

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM T2ẬN BẮC
TỈNH BÌNH T2ẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HS-ST

Ngày: 05/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM T2ẬN BẮC, TỈNH BÌNH T2ẬN**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn HỒ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Em
2. Bà Lê Thị Hoa Thẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm T2ận Bắc, tỉnh Bình T2ận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm T2ận Bắc, tỉnh Bình T2ận tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sang- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm T2ận Bắc, tỉnh Bình T2ận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2022/HSST ngày 03 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1.Võ Ngọc T; Tên gọi khác: Thạnh. Sinh năm: 1980 .

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình T2ận.

Dân tộc: Kinh Quốc Tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Làm nông

T độ học vấn: 4/12

Cha: Võ M1 Q, sinh năm 1954;

Mẹ: Phan Thị L, sinh năm 1959;

Hiện cả hai làm nông trú tại Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình T2ận.

Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Vợ: Bá Thị T, sinh năm 1980; Nghề nghiệp: Làm nông

Hiện đang cư trú tại Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình T2ận.

Con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

2. Võ Ngọc Đ - Sinh năm: 1985

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình T2ận.

Dân tộc: Kinh Quốc Tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Làm nông
T độ học vấn: 12/12
Cha: Võ M1 Q, sinh năm 1954;
Mẹ: Phan Thị L, sinh năm 1959;
Hiện cả hai làm nông trú tại Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình T2ận.
Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ tư.
Vợ: Hồ Thị Mỹ L1, sinh năm 1987; Nghề nghiệp: Làm nông
Hiện đang cư trú tại Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình T2ận.
Con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2019.
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

3.Võ M1 Q. Tên gọi khác: M1. Sinh năm: 1954

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình T2ận.
Dân tộc: Kinh Quốc Tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Làm nông
T độ học vấn: 7/12

Cha: Võ Văn T1 (đã chết);
Mẹ: Nguyễn Thị O (đã chết);

Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu.
Vợ: Phan Thị L, sinh năm 1959; Nghề nghiệp: Làm nông
Hiện đang cư trú tại Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình T2ận.
Con: Có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1993.
Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú số 24 ngày 22/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm T2ận Bắc.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người bị hại:

-Ông Trần Văn H, sinh năm 1971 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình T2ận.

-Ông Trần Văn V, sinh năm 1949 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình T2ận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan:

- Ông Trần Quốc L1, sinh năm 1986(có mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình T2ận.
-Bà Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1975(có mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình T2ận.

Người làm chứng:

- Ông Phan Thanh M1, sinh năm 1984(có mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Bình T2ận.
-Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1959(có mặt)
Địa chỉ: Thôn 03, xã H1 SỞ, huyện Hàm T2ận Bắc, tỉnh Bình T2ận.
-Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1985(có mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình T2ận.
-Bà Phan Thị N, sinh năm 1990(vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình T2ận.
-Bà Trần Thị N1, sinh năm 1962(vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình T2ận.
-Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm 2004(vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình T2ận.
-Chị Trần Nhật Â, sinh năm 2004(vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình T2ận.
-Chị Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1968(vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình T2ận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 18/10/2021, Võ M1 Q đi đám giỗ tại nhà ông Ngô L1 Vinh ở Thôn L, xã H, huyện H cùng tỉnh Bình T2ận. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày giữa Q và ông Trần Văn H, sinh năm 1971, ở thôn Liêm Bình (nhà ông H ở sát nhà của ông Vinh) xảy ra mâu T2ẫn với nhau dẫn đến xô xát, Q bị ông H dùng ghế nhựa đánh vào đầu và người Q (không để lại thương tích). Sau khi được mọi người can ngăn Q đi về nhà tại khu vực Ngã 3 Gộp T2ộc thôn 3, xã H1 SỞ và gọi điện thoại cho con trai là Võ Ngọc T kể lại việc mình bị đánh tại nhà ông Vinh và nói “ba vào đây chơi từ trước đến giờ không mịch lòng ai mà hôm nay đi đám giỗ bị cái thằng nhỏ này đánh 02 cái ghế vào đầu” rồi tắt máy. Sau khi nghe tin cha mình bị đánh, T gọi điện thoại cho em trai là Võ Ngọc Đ, sinh năm 1985 trú cùng thôn Hòa Bình, xã Sông Lũy nói: "Ba bị người ta đánh trong đó, đi vô coi thử", Nghe vậy, Đ điều khiển xe mô tô biển số 86B1-271.83 (xe của ông Phan Thanh M1 làm chủ sở hữu) đến nhà T chở T đi vào thôn Liêm Bình, xã H1 Liêm. Khi đến nhà T, Đ đi ra phía sau nhà T lấy 01 cây dao bằng kim loại dài 41cm, phần tay bằng kim loại được uốn tròn rộng dài 10cm, đường kính 3,8cm, phần lưỡi dài 31cm, đầu lưỡi có bản rộng 7cm, đuôi lưỡi rộng 3,7cm đem ra để cây dao ở ba ga xe mô tô và chở T đi vào thôn Liêm Bình, xã H1 Liêm, T không mang theo hung khí gì (theo lời khai của T). Khi gần đến đoạn đường ray xe lửa T2ộc

thôn Liêm Bình, xã H1 Liêm, Đ gọi điện thoại cho Q hỏi: “ông ba đang ở đâu”, thấy Đ gọi điện tới, đang bức tức vì bị ông H đánh nên Q nảy sinh ý định dẫn các con mình đi tới nhà ông H để gọi ông H ra nói chuyện nếu H biết lỗi xin lỗi thì thôi còn ngược lại thì sẽ đánh cảnh cáo ông H nên Q nghe điện thoại của Đ nói và hỏi lại Đ: “Ba đang ở nhà dì T2, con chạy đến đâu rồi”, Đ trả lời: “tụi con chạy đến đường ray xe lửa vào nhà ông Vinh”, Q nói tiếp: “chờ xíu, ba đang chạy đến” rồi tắt điện thoại điều khiển xe mô tô biển số 86B3-394.27 (xe của bà Nguyễn Thị T2 làm chủ sở hữu) đi đến đoạn đường rầy xe lửa gặp và dẫn đường cùng Đ, T điều khiển xe mô tô đi đến nhà ông H. Đến nơi, cả ba người để xe mô tô ở đám cỏ trước nhà ông Vinh. Đ lấy 01 cây dao mang theo cùng Q và T đi vào nhà ông H thì thấy cửa nhà trước đóng, Q dẫn T và Đ đi theo lối đi bên hông pH để vào nhà ông H. Khi đến cửa sau nhà ông H, Q gọi to “H đâu ra đây nói chuyện...” lúc này có bà Trần Thị Thanh H1 (vợ ông H) đang ở đây thấy Q, T và Đ đều cầm hung khí (theo lời khai của bà H1) tới tìm chH1 mình nên la lớn và chạy ra ôm cản Q lại nhưng không được nên bà H1 chạy ra đường đất bên hông nhà kêu cứu. Cùng lúc này, nghe ồn ào bên ngoài nhà, ông H cầm 01 cây mỏ gậy đi ra thấy cha con Q cầm hung khí xông vào liền đâm về hướng cha con Q nhưng không trúng ai (theo lời khai của Q, Đ và T), T lùi lại nhặt 01 viên gạch ném về phía ông H nhưng không trúng, Đ cầm cây dao xông đến chém ông H một nhát trúng vào nách tay pH, bị chém ông H bỏ chạy ra hướng phía trước nhà thì Q cùng hai con trai rượt đuổi theo, Đ dùng dao tiếp tục chém H trúng 01 nhát vào phía sau hõm nách pH gây thương tích. Ông H tung cửa chạy ra ngoài và bị té ngã ở sân trước nhà. Cùng lúc này, ông Trần Văn V (là cha của ông H), sinh năm 1949 (tính đến ngày xảy ra vụ án ông V đã 72 tuổi 9 tháng 8 ngày) ở cùng thôn Liêm Bình có nhà đối diện nhìn thấy ông H đang bị Q cùng hai người con đánh nên cầm 01 cây dao tự tạo (loại dao chặt tàu thanh L1) chạy qua ngăn cản, khi vừa chạy đến trước sân nhà ông H thì bị T nhặt 01 viên gạch xà bần ném trúng vào đầu ông V gây thương tích làm ông V té ngã bất tỉnh, thấy ông V bị ném trúng, té ngã, T chạy tới chụp giàng lấy được cây dao trên tay ông V và dùng cán cây dao này đánh vào chân ông V. Thấy có nhiều người kéo đến can ngăn nên Q cùng T và Đ bỏ đi về Bắc Bình. Ông H và ông V bị thương được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận cấp cứu.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an huyện Hàm Thuận Bắc tổ chức khám nghiệm hiện trường, T2 giữ tại hiện trường số đồ vật gồm: 01 viên gạch có hình dạng kích thước (0,11x0,09x0,065)m (loại gạch xà bần); 01 lưỡi mỏ gậy bằng kim loại dài 0,52cm, đuôi lưỡi mỏ gậy được uốn tròn, có đường kính 0,03m, phần lưỡi có 02 ngạnh kim loại, phần đầu ngạnh nhọn, mỗi ngạnh có kích thước bằng nhau dài 0,37m; 01 cây rựa cán bằng gỗ dài 0,6m, lưỡi bằng kim loại dài 0,92m, bản rộng 0,05m và một số mảnh vỡ kính để điều tra, xử lý.

Ngày 13/12/2021 ông Trần Văn H và Trần Văn V có đO yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với Võ M1 Q, Võ Ngọc T và Võ Ngọc Đ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 29/2022/TgT ngày 17/11/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình T2ận kết luận thương tích của Trần Văn V như sau:

- Vết thương phần mềm vùng trán đỉnh pH hình nan hoa đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 8x0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 6%.
- Đa vết thương sưng nề vùng ngực, hạ sườn trái, thượng vị đã được điều trị hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.
- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 6%.
- Vết thương do vật tày có cạnh gây ra.
- Vết thương có chiều hướng tác động từ trên xuống dưới.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 28/2022/TgT, ngày 18/11/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình T2ận kết luận thương tích của Trần Văn H như sau:

- Vết thương phần mềm mặt trước hõm nách pH đã được điều trị, hiện ổn định, để lại sẹo lành kích thước: 5x0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.
- Vết thương phần mềm mặt sau hõm nách pH đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 5,5x0,4cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.
- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 4%.
- Các vết thương do vật sắc gây ra.
- Vết thương mặt trước hõm nách pH có chiều hướng tác động từ trước ra sau; Vết thương mặt sau hõm nách pH có chiều hướng tác động từ sau ra trước, từ pH sang trái.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 48/2022/TgT ngày 10/12/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình T2ận kết luận thương tích của Võ M1 Q như sau:

- Đa vết sưng nề bầm tím thái dưO trái, khuỷu tay trái đã được điều trị, hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.
- Không đủ cơ sở để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.
- Không đủ cơ sở để xác định vật gây thương.
- Không đủ cơ sở xác định chiều hướng tác động gây thương.

Vật chứng T2 giữ và xử lý:

- 01 cục xà bần có kích thước (10x10x12)cm do Trần Nhật Â giao nộp (Â khai nhận đây là cục gạch (có gạch và xi măng) đối tượng dùng ném trúng vào đầu ông V);
- 01 cây dao bằng kim loại màu đen dài 41cm, phần tay bằng kim loại được uốn tròn, rộng dài 10cm, đường kính 3,8cm, phần lưỡi dài 31cm, đầu lưỡi dao có bản rộng

7cm, đuôi lưỡi dao rộng 3,7cm (do Võ Ngọc Đ tự nguyện giao nộp là hung khí Đ sử dụng gây thương tích cho ông H);

- 01 cây dao tự tạo bằng kim loại dài 80cm, màu nâu đen, cán bằng kim loại đường kính 2,5cm có quấn dây cao su màu đen, lưỡi loại dao cắt cổ dài 38cm, rộng 8cm (là hung khí ông V cầm theo bị T giết được do Võ Ngọc T giao nộp);

- 01 lưỡi mổ gãy bằng kim loại dài 0,52m, đuôi lưỡi mổ gãy được uốn tròn, có đường kính 0,03m, phần lưỡi có 02 ngạnh kim loại, phần đầu ngạnh nhọn, mỗi ngạnh có kích thước bằng nhau dài 0,37m;

- 01 cây rựa cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 0,92m trong đó cán gỗ dài 0,6m, đường kính 0,028m, lưỡi kim loại dài 0,32m, bản rộng 0,05m;

- 01 viên gạch có hình dạng kích thước (0,11x0,09x0,065)m (loại gạch xà bần);

Toàn bộ số vật chứng trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện đã ra Quyết định chuyển vật chứng, chuyển từ Cơ quan CSĐT Công an huyện đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Tân Bắc bảo quản, chờ xử lý.

Đối với xe mô tô, biển số 86B1-271.83 và 86B3-394.27 của ông Phan Thanh M1 và bà Nguyễn Thị T2 làm chủ sở hữu, khi Q và Đ mượn và tự lấy đi thực hiện tội phạm ông M1 và bà T2 đều không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không T2 giữ.

Về dân sự:

Ông Trần Văn H yêu cầu bồi thường tổng số tiền: **135.599.149 đồng**. Bao gồm các khoản sau: Chi phí điều trị thương tích có hóa đơn kèm theo là 12.059.149đ; tiền mất T2 nhập lao động trong 90 ngày là: $(450.000đ \times 90\text{ngày}) = 40.500.000đ$; tiền bồi thường tổn thất tinh thần 50 tháng lương: $(50\text{tháng} \times 1.490.000đ) = 74.500.000đ$; tiền mất ngày công lao động cho 1 người chăm sóc trong thời gian điều trị 10 ngày là: $(400.000đ \times 10\text{ ngày}) = 4.000.000đ$; tiền ăn người bệnh và nuôi bệnh là: $(10\text{ngày} \times 200.000đ/\text{ngày} \times 2\text{ người}) = 4.000.000đ$; tiền T2 xe đưa đi cấp cứu 500.000đ (không có hóa đơn).

Ông Trần Văn V yêu cầu bồi thường tổng số tiền: **123.799.388 đồng** Bao gồm các khoản sau: Chi phí điều trị thương tích có hóa đơn kèm theo là 6.499.388đ; tiền mất T2 nhập lao động trong 90 ngày là: $(400.000đ \times 90\text{ngày}) = 36.000.000đ$; tiền bồi thường tổn thất tinh thần 50 tháng là: $(50\text{tháng} \times 1.490.000đ) = 74.500.000đ$; tiền mất ngày công lao động cho 1 người chăm sóc trong thời gian điều trị 07 ngày là: $(500.000đ \times 7\text{ ngày}) = 3.500.000đ$; tiền ăn người bệnh và nuôi bệnh là: $(7\text{ngày} \times 200.000đ/\text{ngày} \times 2\text{ người}) = 2.800.000đ$; tiền T2 xe đưa đi cấp cứu 500.000đ (không có hóa đơn).

Ngày 21/12/2021 tại Cơ quan CSĐT - Công an huyện Hàm Tân Bắc, Võ M1 Q đại diện cho T và Đ đã tự nguyện giao nộp số tiền **20.000.000 đồng** cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Hàm Tân Bắc để bồi thường một phần thiệt hại cho ông Trần Văn H và ông Trần Văn V. Hiện số tiền này đang được tạm giữ tại Kho bạc huyện

Hàm T2ận Bắc chờ xử lý. Số tiền còn lại Q, Đ và T không đồng ý bồi thường theo như yêu cầu của các bị hại vì cho rằng quá cao.

Cáo trạng số 36/CT/VKSHTB-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm T2ận Bắc đã truy tố bị cáo Võ Ngọc T về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều a,c khoản 01 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); Truy tố các bị cáo Võ Ngọc Đ và Võ M1 Q về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm T2ận Bắc giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a,c khoản 1 Điều 134, điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Võ Ngọc T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Áp dụng điểm a khoản 01 Điều 134, Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Võ Ngọc Đ và bị cáo Võ M1 Q mỗi bị cáo mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 01 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 585, Điều 586; Điều 587; Điều; Điều 590; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Võ Ngọc T bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 13.653.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị Thanh H1 số tiền 1.333.000 đồng; bồi thường cho ông Trần Văn V số tiền 24.959.000 đồng; bồi thường cho ông Trần Quốc L1 số tiền 3.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Võ Ngọc Đ bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 13.653.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị Thanh H1 số tiền 1.333.000 đồng

Buộc bị cáo Võ M1 Q bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 13.653.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị Thanh H1 số tiền 1.333.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 các bị cáo đã nộp(mỗi bị cáo nộp 6.667.000 đồng) tại kho bạc huyện Hàm T2ận Bắc để đảm bảo thi hành án phần dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 01 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017) và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch T2 tiêu hủy: 01 cục xà bần có kích thước (10x10x12)cm; 01 cây dao bằng kim loại màu đen dài 41cm, phần tay bằng kim loại được uốn tròn, rộng dài 10cm, đường kính 3,8cm, phần lưỡi dài 31cm, đầu lưỡi dao có bản rộng 7cm, đuôi lưỡi dao rộng 3,7cm; 01 cây dao tự tạo bằng kim loại dài 80cm, màu nâu đen, cán bằng kim loại đường kính 2,5cm có quấn dây cao su màu đen, lưỡi loại dao cắt cỏ dài 38cm, rộng 8cm; 01 lưỡi mổ gậy bằng kim loại dài 0,52m, đuôi lưỡi mổ gậy được uốn tròn,

có đường kính 0,03m, phần lưỡi có 02 ngạnh kim loại, phần đầu ngạnh nhọn, mỗi ngạnh có kích thước bằng nhau dài 0,37m; 01 cây rựa cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 0,92m trong đó cán gỗ dài 0,6m, đường kính 0,028m, lưỡi kim loại dài 0,32m, bản rộng 0,05m; 01 viên gạch có hình dạng kích thước (0,11x0,09x0,065)m (loại gạch xà bần)

Các bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân Bắc và đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Người bị hại đồng tình với quan điểm truy tố nhưng cho rằng mức án đề nghị dành cho các bị cáo có phần nhẹ và đề nghị xét xử nghiêm theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Hàm Tân Bắc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân Bắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, T tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Với các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh có tại hồ sơ vụ án, đối chiếu với lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa là phù hợp, có đủ cơ sở kết luận:

Do có mâu thuẫn đánh nhau trước đó giữa ông Trần Văn H và Võ M1 Q nên khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 18/10/2021, sau khi nghe tin cha ruột mình bị đánh, Võ Ngọc Đ (con ruột Q) mang theo 01 cây dao bằng kim loại dài 41cm, phần tay bằng kim loại được uốn tròn rộng dài 10cm, đường kính 3,8cm, phần lưỡi dài 31cm, đầu lưỡi có bản rộng 7cm, đuôi lưỡi rộng 3,7cm và điều khiển xe mô tô 86B1-271.83 chở Võ Ngọc T (con ruột Q) đến Thôn L, xã H, huyện H, Đ gọi điện thoại báo cho Q mình đã tới nơi. Lúc này Q nảy sinh ý định dẫn các con mình đi tới nhà ông H để gọi ông H ra nói chuyện nếu H biết lỗi xin lỗi thì thôi còn ngược lại thì sẽ đánh cảnh cáo ông H. Q điều khiển xe đi đến nơi Đ và T đang đứng đợi và dẫn đường rồi cả ba người đi tới nhà ông Trần Văn H, sinh năm 1971 ở Thôn L, xã H, huyện H để giải quyết mâu thuẫn. Tại đây, T dùng gạch (cục xà bần) và Đ dùng dao là hung khí nguy hiểm ném và đâm nhiều nhát trúng vào nách phải của ông Trần Văn H gây thương tích 04%, T dùng gạch (loại xà bần) ném vào đầu của ông Trần Văn V, sinh năm 1949 (là người trên 70 tuổi) gây thương tích 06%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 29/2022/TgT ngày 17/11/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Thuận kết luận thương tích của Trần Văn V như sau: Vết thương phần mềm vùng trán đỉnh pH hình nan hoa đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 8x0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 6%; Đa vết thương sưng nề vùng ngực, hạ sườn trái, thượng vị đã được điều trị hiện không còn dấu vết. Không đủ cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể; Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 6%. Vết thương do vật tày có cạnh gây ra. Vết thương có chiều hướng tác động từ trên xuống dưới.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 28/2022/TgT, ngày 18/11/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Thuận kết luận thương tích của Trần Văn H như sau: Vết thương phần mềm mặt trước hõm nách pH đã được điều trị, hiện ổn định, để lại sẹo lành kích thước: 5x0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%; Vết thương phần mềm mặt sau hõm nách pH đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 5,5x0,4cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 4%. Các vết thương do vật sắc gây ra. Vết thương mặt trước hõm nách pH có chiều hướng tác động từ trước ra sau; Vết thương mặt sau hõm nách pH có chiều hướng tác động từ sau ra trước, từ pH sang trái.

Xét lời khai của các bị cáo đều phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng và thương tích của người bị hại, có đủ căn cứ để xác định thương tích của người bị hại Trần Văn V là do bị cáo Võ Ngọc T gây ra; thương tích của người bị hại Trần Văn H là do các bị cáo Võ Ngọc T, Võ Ngọc Đ và Võ M1 Q gây ra. Hội đồng xét xử nhận thấy, Các bản kết luận giám định pháp y về thương tích phù hợp với Giấy chứng nhận thương tích số 258/10/2021/CN, ngày 28/10/2021 và số 254/10/2021/CN ngày 25/10/2021 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận và thương tích thực tế của những người bị hại .

Do vậy, hành vi của bị cáo Võ Ngọc T cùng thống nhất với bị cáo Q và bị cáo Đ dùng dao gây thương tích cho Trần Văn H và tự mình cầm gạch gây thương tích cho Trần Văn V là người trên 70 tuổi đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “dùng hung khí nguy hiểm; đối với người già yếu” gây thương tích cho ông H tỷ lệ tổn thương cơ thể 4% và gây thương tích cho ông V tỷ lệ tổn thương cơ thể 6% theo quy định tại điểm a,c khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc truy tố.

Hành vi của bị cáo Võ Ngọc Đ và Võ M1 Q cùng thống nhất dùng dao gây thương tích cho ông H đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “dùng hung khí nguy hiểm” gây thương tích cho ông H tỷ lệ tổn thương cơ thể 4% quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 (được

sửa đổi bổ sung năm 2017), đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân Bắc truy tố.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại nghiêm trọng đến sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa P, thể hiện sự xem thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác. Do đó cần pH nghiêm trị để răn đe, cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Cả ba bị cáo cùng thống nhất đi tìm ông H để giải quyết mâu T2ẫn, khi gặp ông H thì bị cáo Đ là người trực tiếp cầm dao đâm ông H hai nhát gây thương tích, nên bị cáo Đ pH chịu trách nhiệm chính đối với thương tích của ông H, bị cáo T và bị cáo Q đã rượt đuổi đánh ông H nên hai bị cáo cũng pH chịu trách nhiệm thương tích với hành vi phạm tội của mình đối với thương tích của ông H. Đối với bị cáo T, khi thấy ông V tới thì bị cáo đã nhặt cục gạch ném về phía ông V trúng đầu gây thương tích cho ông V nên một mình bị cáo pH chịu trách nhiệm thương tích đối với thương tích của ông V.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Các bị cáo T khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã nộp một khoản tiền để bồi thường một phần chi phí điều trị thương tích và chi phí khác cho người bị hại, phạm tội lần đầu T2ộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có người thân có công với cách mạng, trong vụ án này cũng có một phần lỗi của ông H nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân Bắc đã phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là có căn cứ và với mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là thương tích với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có xem xét đến nhân thân của các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng ổn định, phạm tội lần đầu T2ộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết pH cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo và giao các bị cáo cho UBND nơi thường trú giám sát giáo dục là phù hợp.

[7] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

-Xử lý vật chứng:

01 cục xà bần có kích thước (10x10x12)cm; 01 cây dao bằng kim loại màu đen dài 41cm, phần tay bằng kim loại được uốn tròn, rộng dài 10cm, đường kính 3,8cm,

phần lưỡi dài 31cm, đầu lưỡi dao có bản rộng 7cm, đuôi lưỡi dao rộng 3,7cm; 01 cây dao tự tạo bằng kim loại dài 80cm, màu nâu đen, cán bằng kim loại đường kính 2,5cm có quần dây cao su màu đen, lưỡi loại dao cắt cỏ dài 38cm, rộng 8cm; 01 lưỡi mở gãy bằng kim loại dài 0,52m, đuôi lưỡi mở gãy được uốn tròn, có đường kính 0,03m, phần lưỡi có 02 ngạnh kim loại, phần đầu ngạnh nhọn, mỗi ngạnh có kích thước bằng nhau dài 0,37m; 01 cây rựa cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 0,92m trong đó cán gỗ dài 0,6m, đường kính 0,028m, lưỡi kim loại dài 0,32m, bản rộng 0,05m; 01 viên gạch có hình dạng kích thước (0,11x0,09x0,065)m (loại gạch xà bần) là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên tịch T2 tiêu hủy.

- Về dân sự: Người bị hại Trần Văn H tại phiên tòa yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản: Tiền viện phí: 10.586.000 đồng; tiền T2ốc: 1.313.000 đồng; Tiền giấy chứng nhận thuỐg tật: 160.000 đồng; Tiền ăn người bệnh: 10 ngày x 200.000 đồng/ ngày = 2.000.000 đồng; Tiền mất T2 nhập trong thời gian điều trị và sau điều trị: 90 ngày x 450.000/ngày = 40.500.000 đồng; tiền xe đi cấp cứu: 500.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần: 50 tháng x 1.490.000 đồng = 74.500.000 đồng. Tổng cộng ông Trần Văn H yêu cầu các bị cáo bồi thường: 129.559.000 đồng theo tỷ lệ bằng nhau.

Bà Trần Thị Thanh H1 là người chăm sóc ông H trong thời gian điều trị bệnh, bà yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bà tiền ăn: 10 ngày x 200.000 đồng/ ngày = 2.000.000 đồng; tiền mất T2 nhập 10 ngày x 400.000 đồng/ ngày = 4.000.000 đồng.

Tổng cộng bà yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 6.000.000 đồng theo tỷ lệ bằng nhau.

Ông Trần Văn V yêu cầu bị cáo Võ Ngọc T bồi thường các khoản: Tiền viện phí: 5.591.388 đồng; tiền T2ốc: 748.000 đồng; tiền giấy chứng nhận thuỐg tật: 160.000 đồng; tiền ăn trong thời gian nằm viện: 7 ngày x 200.000 đồng/ngày = 1.400.000 đồng; Tiền mất T2 nhập trong thời gian điều trị bệnh và sau điều trị: 90 ngày x 400.000 đồng/ngày = 36.000.000 đồng; tiền xe cấp cứu 500.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần: 50 tháng x 1.490.000 đồng = 74.500.000 đồng. Tổng cộng ông V yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền: 118.899.000 đồng.

Anh Trần Quốc L1 là người chăm sóc ông V trong thời gian điều trị bệnh, anh yêu cầu bị cáo T bồi thường cho anh tiền ăn: 7 ngày x 200.000 đồng/ ngày = 1.400.000 đồng; tiền mất T2 nhập 7 ngày x 500.000 đồng/ ngày = 3.500.000 đồng.

Tổng cộng anh yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 4.900.000 đồng.

Quá T điều tra các bị cáo đã thuỐg lượng về bồi thường với người bị hại nhưng không thuỐg lượng được nên các bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra để bồi thường cho người bị hại, cụ thể mỗi người nộp theo tỷ lệ bằng nhau.

Tại phiên tòa, các bị cáo chấp nhận bồi thường cho ông H các khoản: Tiền viện phí: 10.586.000 đồng; tiền T2ốc: 1.313.000 đồng; Tiền giấy chứng nhận thuỐg tật: 160.000 đồng; tiền xe đi cấp cứu: 500.000 đồng.

Riêng tiền ăn người bệnh không chấp nhận; Tiền mất T2 nhập trong thời gian điều trị và sau điều trị chỉ chấp nhận: 30 ngày x 450.000/ngày = 13.500.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần chỉ chấp nhận: 10 tháng x 1.490.000 đồng = 14.900.000 đồng.

Tổng cộng các bị cáo chỉ đồng ý bồi thường cho ông H số tiền: 40.959.000 đồng theo tỷ lệ bằng nhau.

Đối với yêu cầu của bà H1: Các bị cáo không chấp nhận bồi thường tiền ăn, chấp nhận bồi thường tiền mất T2 nhập trong thời gian chăm sóc bệnh 10 ngày x 400.000 đồng/ngày = 4.000.000 đồng theo tỷ lệ bằng nhau.

Đối với yêu cầu của Trần Văn V bị cáo Võ Ngọc T chấp nhận bồi thường các khoản: Tiền viện phí: 5.591.388 đồng; tiền T2ốc: 748.000 đồng; tiền giấy chứng nhận thưỞg tật: 160.000 đồng; tiền xe cấp cứu 500.000 đồng;

Riêng tiền ăn người bệnh không chấp nhận; Tiền mất T2 nhập trong thời gian điều trị và sau điều trị chỉ chấp nhận: 30 ngày x 400.000/ngày = 12.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần chỉ chấp nhận: 4 tháng x 1.490.000 đồng = 5.960.000 đồng.

Tổng cộng: bị cáo T chỉ chấp nhận bồi thường cho ông V số tiền 24.959.000 đồng

Đối với yêu cầu của anh Trần Quốc L1 bị cáo không chấp nhận bồi thường tiền ăn, chấp nhận bồi thường tiền mất T2 nhập trong thời gian chăm sóc bệnh 7 ngày x 500.000 đồng/ngày = 3.500.000 đồng .

Xét các khoản tiền chi phí điều trị thưỞg tích, tiền T2ốc, tiền xe đi của người bị hại các bị cáo chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của người bị hại nên hội đồng xét xử công nhận sự thỏa T2ận đối với các khoản tiền này.

Đối với khoản tiền ăn, tiền mất T2 nhập trong thời gian điều trị và sau khi xuất viện và tiền tổn thất tinh thần của ông H: Tiền ăn trong thời gian điều trị bệnh nằm trong khoản tiền mất T2 nhập nên yêu cầu của ông H về khoản tiền này không có cơ sở chấp nhận. Ông H làm nghề thợ hồ, thưỞg tích của ông là thưỞg tích nhẹ chỉ 4% không ảnh hưởng nhiều tới khả năng lao động, không đến mức pH mất T2 nhập trong thời gian 90 ngày và khoản tiền tổn thất tinh thần 50 tháng là không phù hợp. Mức các bị cáo đưa ra tiền mất T2 nhập do không lao động được trong thời gian điều trị và sau khi xuất viện chỉ đồng ý 30 ngày x 450.000/ngày = 13.500.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần chỉ đồng ý 10 tháng x 1.490.000 đồng/tháng = 14.900.000 đồng là thỏa đáng nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị cáo pH bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền: 40.959.000 đồng theo tỷ lệ bằng nhau

Về tiền mất T2 nhập của bà H1 là người chăm sóc ông H trong thời gian điều trị các bị cáo chấp nhận bồi thường cho bà H1 10 ngày x 400.000 đồng/ngày = 4.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H1 theo tỷ lệ N1ng nhau nên hội đồng xét xử chấp nhận khoản tiền này. Riêng khoản tiền ăn nằm trong tiền mất T2 nhập mà các bị cáo pH bồi thường nên không có căn cứ chấp nhận khoản này.

Đối với khoản tiền ăn, tiền mất T2 nhập trong và sau khi xuất viện và tiền tổn thất tinh thần của ông V: Tiền ăn trong thời gian điều trị bệnh nằm trong khoản tiền mất T2 nhập nên yêu cầu của ông V về khoản tiền này không có cơ sở chấp nhận. Ông V làm nghề nấu rượu và đúc chậu kiểng, thưỞg tích của ông là thưỞg tích nhẹ chỉ 6% không ảnh hưởng nhiều tới khả năng lao động, không đến mức pH mất T2 nhập trong thời gian 90 ngày và khoản tiền tổn thất tinh thần 50 tháng là không phù hợp. Mức bị cáo T đưa ra tiền mất T2 nhập do không lao động được trong thời gian

điều trị bệnh và sau khi xuất viện chỉ đồng ý 30 ngày x 400.000/ngày = 12.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần chỉ đồng ý 4 tháng x 1.490.000 đồng/tháng = 5.960.000 đồng là thỏa đáng nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng cộng: Bị cáo T bồi thường cho ông V số tiền 24.959.000 đồng

Về tiền mất T2 nhập của ông L1 là người chăm sóc ông V trong thời gian điều trị bị cáo T chấp nhận bồi thường tiền mất T2 nhập cho ông L1 07 ngày x 500.000 đồng/ngày = 3.500.000 đồng theo yêu cầu của ông L1 nên hội đồng xét xử chấp nhận khoản tiền này. Riêng khoản tiền ăn nằm trong tiền mất T2 nhập mà bị cáo PH bồi thường nên không có căn cứ chấp nhận khoản này.

[8] Các vấn đề khác: Đối với ông Trần Văn H có hành vi đánh nhau với Võ M1 Q trước đó nhưng không gây thương tích nên không đủ cơ sở để xử lý ông H về tội: “Cố ý gây thương tích” quy định Điều 134 Bộ luật Hình sự. Hành vi đánh nhau trên của Trần Văn H đã bị Công an huyện Hàm Tân Bắc đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền, mức phạt 2.500.000đ là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Võ M1 Q là người cao tuổi T2ộc trường hợp được miễn án phí, bị cáo T và bị cáo Đ PH chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. **Căn cứ:** điểm a khoản 1 Điều 134, Điểm b, i, s khoản 01, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo tất cả các bị cáo; thêm điểm c khoản 1 Điều 134, Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Ngọc T.

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Ngọc T, Võ M1 Q và Võ Ngọc Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Võ Ngọc T 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án (05/4/2022).

Xử phạt: Võ Ngọc Đ 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án (05/4/2022).

Xử phạt: Võ M1 Q 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án (05/4/2022).

Giao các bị cáo cho UBND xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo PH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về biện pháp tư pháp:

Về bồi thường dân sự: Áp dụng: khoản 01 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 585, Điều 586; Điều 587; Điều; Điều 590; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Võ Ngọc T bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 13.653.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị Thanh H1 số tiền 1.333.000 đồng; bồi thường cho ông Trần Văn V số tiền 24.959.000 đồng; bồi thường cho ông Trần Quốc L1 số tiền 3.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Võ Ngọc Đ bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 13.653.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị Thanh H1 số tiền 1.333.000 đồng

Buộc bị cáo Võ M1 Q bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 13.653.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị Thanh H1 số tiền 1.333.000 đồng.

Kể từ ngày có đO yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 các bị cáo đã nộp(mỗi bị cáo nộp 6.667.000 đồng) tại kho bạc huyện hàm T2ận Bắc để đảm bảo thi hành án phần dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 01 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017) và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch T2 tiêu hủy: 01 cục xà bần có kích thước (10x10x12)cm; 01 cây dao bằng kim loại màu đen dài 41cm, phần tay bằng kim loại được uốn tròn, rộng dài 10cm, đường kính 3,8cm, phần lưỡi dài 31cm, đầu lưỡi dao có bản rộng 7cm, đuôi lưỡi dao rộng 3,7cm; 01 cây dao tự tạo bằng kim loại dài 80cm, màu nâu đen, cán bằng kim loại đường kính 2,5cm có quấn dây cao su màu đen, lưỡi loại dao cắt cổ dài 38cm, rộng 8cm; 01 lưỡi mổ gãy bằng kim loại dài 0,52m, đuôi lưỡi mổ gãy được uốn tròn, có đường kính 0,03m, phần lưỡi có 02 ngạnh kim loại, phần đầu ngạnh nhọn, mỗi ngạnh có kích thước bằng nhau dài 0,37m; 01 cây rựa cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 0,92m trong đó cán gỗ dài 0,6m, đường kính 0,028m, lưỡi kim loại dài 0,32m, bản rộng 0,05m; 01 viên gạch có hình dạng kích thước (0,11x0,09x0,065)m (loại gạch xà bần) (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm T2ận Bắc).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ M1 Q được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm

Bị cáo Võ Ngọc T pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.839.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Võ Ngọc Đ pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 416.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ L1 quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/4/2022).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa T2ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình T2ận;
- VKSND huyện Hàm T2ận Bắc;
- Công an huyện Hàm T2ận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm T2ận Bắc;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình T2ận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hà Văn HỒ